

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **344**/2020/ HNGĐ-ST

Ngày 27/08/2020

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trình**

2. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Hạnh** - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 08 năm 2020 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 05 năm 2020 về tranh chấp “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 07 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐHPT ngày 11 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn LB, xã MQ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn LB, xã MQ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

(*chị H có mặt, anh T vắng mặt lần 2 tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/5/2020, bản tự khai ngày 20/05/2020 chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn hợp pháp với anh Lê Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MQ, huyện Ba

Vì, thành phố Hà Nội ngày 02/05/2003 . Sau khi tổ chức kết hôn, vợ chồng chuyển về sinh sống ăn ở với nhau ngay tại gia đình nhà anh T ở xã MQ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 3 năm thì đến năm 2006 mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T có tính vũ phu đánh đập chị H dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân bế tắc kéo dài căng thẳng. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 04 năm 2020 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, xin được ly hôn anh T.

Về con chung : chị Nguyễn Thị Thu H xác định chị H và anh T có 02 con chung là: Lê Yên L, sinh ngày 27/01/2004; cháu Lê Nguyễn Việt C, sinh ngày 14/10/2011; Hiện cả hai cháu đang sống cùng chị H, anh T. Quan điểm chị H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Yên L và Lê Nguyễn Việt C cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cụ thể: Cấp dưỡng đối với cháu Lê Yên L 1.500.000đ/tháng từ tháng 08/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, cấp dưỡng đối với cháu Lê Nguyễn Việt C 1.500.000đ/tháng từ tháng 08/2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi.

Về tài sản riêng: chị H xác định không có

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Lê Văn T, tổng đạt thông báo thụ lý và các giấy triệu tập đương sự , đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, tổng đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với anh Lê Văn T, anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không chấp hành pháp luật, vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Biên bản lấy lời khai của ông Lê Thanh H1 (bố đẻ anh Lê Văn T) cho biết: chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, sau khi cưới chị H nhập hộ khẩu và sinh sống cùng gia đình anh T tại địa phương xã MQ. Cuộc sống chung của chị H và anh T không hạnh phúc, nhiều lần xảy ra cãi chửi, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân là do chị H và anh T luôn nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, vợ chồng không thông cảm, chia sẻ cho nhau, kinh tế khó khăn, chị H có thời gian đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan trong thời gian ba năm, khi trở về vợ chồng không hòa hợp về tính cách và suy nghĩ, thường xuyên bất đồng quan điểm, xô xát khiến

cho mâu thuẫn gia đình trầm trọng và kéo dài căng thẳng. Ông H1 đã đưa lại các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp nhưng do công việc bận anh T không thể đến toà án được. Nay gia đình tôi có quan điểm việc hôn nhân là việc riêng của chị H, anh T quyết định và gia đình mong muốn anh chị đoàn tụ nuôi dạy con cái. Chị H và anh T có hai con chung là cháu Lê Yến L, sinh ngày 27/01/2004; cháu Lê Nguyễn Việt C, sinh ngày 14/10/2011, hai cháu L, C vẫn đang sinh sống với anh T, chị H tại xã MQ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định về việc nuôi dưỡng con chung. Hiện nay anh T đang làm nghề lái xe ôm đại phương, thu nhập cụ thể như thế nào tôi không rõ, chỉ biết anh T sáng đi làm chiều tối về nhà. Tài sản chung: có nhà cấp 4, ba gian xây trên đất gia đình nhà tôi. Công nợ : Tôi không nắm được.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Thu H xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung: chị H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Yến L và Lê Nguyễn Việt C và yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung cho 2 cháu mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng từ tháng 08/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung, công sức chung, Công nợ chung:Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn T vắng mặt không có lý do.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Lê Văn T.

Áp dụng điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H, cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung: Giao hai cháu Lê Yến L và Lê Nguyễn Việt C cho chị Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu L, C đều đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Buộc anh Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Thu H cụ thể là: Cấp dưỡng đối với cháu Lê Yến L 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng từ tháng 08/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác, cấp dưỡng đối với cháu Lê Nguyễn Việt C 1.000.000đ(một triệu đồng)/tháng từ tháng 08/2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ chung, nhà ở, đất ở, đất canh tác: không đề cập xem xét giải quyết.

*Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lê Văn T phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn anh Lê Văn T, nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn LB, xã MQ, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2.Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh T về chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2006 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, bất đồng quan điểm, xô xát với nhau, vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 04 năm 2020 cho đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Lê Văn T. Anh Lê Văn T không trực tiếp tham gia tố tụng, không chấp hành sự triệu tập của Tòa án, không có quan điểm về quan hệ hôn nhân với chị H. Người thân trong gia đình anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T không chấp hành các thời gian Tòa án triệu tập, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chứng tỏ anh T không có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời không coi trọng việc hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Lê Văn T.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Lê Văn T có 2 con chung là cháu Lê Yến L, sinh ngày 27/01/2004; cháu Lê Nguyễn Việt C, sinh ngày 14/10/2011. Chị Nguyễn Thị Thu H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi các con chung đều đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu nuôi con của chị H là có căn cứ, chị H đã và đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Yến L và Lê Nguyễn Việt C, chị H luôn đảm bảo tốt các điều kiện về vật chất, thời gian và chỗ ở cho các cháu L, C phát triển bình thường, bản thân các cháu L, C đều có nguyện vọng xin được ở với chị H, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị H: Giao cả hai cháu Lê Yến L và Lê Nguyễn Việt C cho chị Nguyễn Thị Thu H được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu L, C đều đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Lê Yến L là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 08/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, cấp dưỡng đối với cháu Lê Nguyễn Việt C

1.000.000đ(một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 08/2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi là hợp lý, đúng quy định của pháp luật. Do vậy, cần buộc anh Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Thu H nuôi cháu Lê Yến L và cháu Nguyễn Việt C mỗi cháu 1.000.000đ/ tháng, kể từ tháng 8/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn T được quyền qua lại, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ: Nguyên đơn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với bị đơn là anh Lê Văn T chưa có lời trình bày nên HĐXX xác định chưa giải quyết trong vụ án này. Do vậy HĐXX chưa xem xét giải quyết.

5. Tài sản riêng: chị H trình bày không có.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Văn T phải chịu án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 227, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đối với anh Lê Văn T về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Lê Văn T.

- *Về con chung:* có 02 con chung là: Lê Yến L, sinh ngày 27/01/2004; cháu Lê Nguyễn Việt C, sinh ngày 14/10/2011. Giao cả hai cháu Lê Yến L và Lê Nguyễn Việt C cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu L, C đều đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Thu H đối với cháu Lê Yến L là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 08/2020 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác, cấp dưỡng đối với cháu Lê Nguyễn Việt C 1.000.000đ(một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 08/2020 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Lê Văn T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử sơ thẩm chưa giải quyết trong vụ án này.

Về tài sản riêng: Không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00016 ngày 20/05/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải nộp. Anh Lê Văn T phải nộp 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 228, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, chị Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- UBND xã MQ
- Người tham gia tố tụng
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Thị Thu Hương